

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước
thuộc phạm vi quản lý của ngành Khoa học và Công nghệ
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Công văn số 6828/VPCP-KSTT ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025; Công văn số 1927/VPCP-KSTT ngày 25/3/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ; Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát đơn giản thủ tục hành chính nội bộ;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 68/TTr-SKHCHN ngày 19/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của ngành Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

1. Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Phòng KSTTHC (Bộ KHCN);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
1	Cấp mới hộp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức.	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Thay đổi, hủy bỏ hộp thư điện tử công vụ.	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin được đề xuất là cấp độ 1,2,3.	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Xếp loại mức độ chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án).	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Thủ tục thành lập các Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	
8	Thủ tục thành lập các Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	
9	Thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	
10	Thủ tục Bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh.	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND tỉnh	Sở Tư pháp
11	Thủ tục Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh.	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND tỉnh	Sở Tư pháp

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Cấp mới hộp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các cơ quan, đơn vị gửi văn bản đề nghị và danh sách yêu cầu khởi tạo hộp thư công vụ của cán bộ, công chức, viên chức mới được tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để cấp mới.

- Bước 2: Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị và danh sách yêu cầu khởi tạo hộp thư công vụ;
+ Các văn bản có liên quan (*Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động...*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Thông tin và Truyền thông.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thể hiện bằng văn bản trả lời của Sở Thông tin và Truyền thông qua hệ thống Quản lý văn bản của tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

ì) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh.

2. Thay đổi, hủy bỏ hộp thư điện tử công vụ

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các cơ quan, đơn vị lập danh sách yêu cầu thay đổi, hủy bỏ hộp thư của cán bộ, công chức, viên chức trong các trường hợp chuyển đơn vị công tác... gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để thay đổi, hủy bỏ hộp thư công vụ.
- Bước 2: Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

- + Văn bản đề nghị và danh sách yêu cầu thay đổi, hủy bỏ hộp thư công vụ có xác nhận của cơ quan, đơn vị.
- + Các văn bản có liên quan (*Quyết định nghỉ hưu, chuyển đơn vị công tác, nghỉ việc...*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Thông tin và Truyền thông.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thể hiện bằng văn bản trả lời của Sở Thông tin và Truyền thông qua hệ thống Quản lý văn bản tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh.

3. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin được đề xuất là cấp độ 1, 2, 3

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức được chủ quản hệ thống thông tin giao nhiệm vụ vận hành hệ thống thông tin gửi hồ sơ đề xuất cấp độ đến Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện thẩm định theo quy định.

- Bước 2: Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ 1, 2, 3 trong thời hạn tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Bước 3:

+ Đối với hệ thống thông tin được đề xuất là cấp độ 1 hoặc cấp độ 2, sau khi thẩm định, Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt cấp độ, gửi báo cáo chủ quản hệ thống thông tin.

+ Đối với hệ thống thông tin được đề xuất là cấp độ 3, sau khi thẩm định, Sở Thông tin và Truyền thông trình UBND tỉnh phê duyệt cấp độ.

+ Đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ, trong trường hợp phải xác định lại cấp độ cho phù hợp với tình hình thực tế thì thực hiện theo trình tự, thủ tục xác định lần đầu.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin.

+ Tài liệu thiết kế là một trong những tài liệu sau: Đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin: Thiết kế sơ bộ hoặc tài liệu có giá trị tương đương; Đối với hệ thống thông tin đang vận hành: Thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.

+ Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật.

+ Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

+ Thời gian thẩm định hồ sơ xác định cấp độ 3: Tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Thời gian xử lý hồ sơ phê duyệt cấp độ: Tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Thông tin và Truyền thông.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ; Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu số 01: Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ.

+ Mẫu số 02: Văn bản đề nghị thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

+ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Mẫu đơn đính kèm

(TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v đề nghị thẩm định, phê
duyet hồ sơ đề xuất cấp độ

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin).

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
(Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật an toàn thông tin mạng và
các văn bản liên quan);

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ
với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên hệ thống thông tin;
2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin;
3. Địa chỉ;
4. Cấp độ an toàn hệ thống thông tin đề xuất:

Phần 2. Hồ sơ kèm theo

1. Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin.
2. Tài liệu thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.
3. Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật.
4. Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị (Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin) thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ của hệ thống thông tin (Tên hệ thống thông tin)/.

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

(TÊN CƠ QUAN, TỔ
CHỨC)CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thẩm định hồ sơ
đề xuất cấp độ

Kính gửi: (Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin)

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
(Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật an toàn thông tin mạng và
các văn bản liên quan);

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị (Cơ quan thẩm định) thẩm định hồ sơ đề
xuất cấp độ với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên hệ thống thông tin:
2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin:
3. Địa chỉ:
4. Cấp độ an toàn hệ thống thông tin đề xuất:

Phần 2. Hồ sơ kèm theo

1. Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin.
2. Tài liệu thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương.
3. Tài liệu thuyết minh về việc đề xuất cấp độ căn cứ trên các tiêu chí theo quy định của pháp luật.
4. Tài liệu thuyết minh phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tương ứng.
5. Ý kiến về mặt chuyên môn của đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin của chủ quản hệ thống thông tin (đối với hệ thống thông tin đề xuất cấp độ 4 hoặc cấp độ 5).

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị (Cơ quan thẩm định) cho ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với (Tên hệ thống thông tin)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

4. Xếp loại mức độ chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật các tiêu chí đánh giá, xác định chỉ số chuyển đổi số, trang thông tin điện tử lên phần mềm chuyên ngành của Sở; cấp tài khoản cho các cơ quan, đơn vị để cập nhật số liệu và tài liệu kiểm chứng lên phần mềm hệ thống thông tin đánh giá và xếp hạng chuyển đổi số tại địa chỉ <https://dti.binhphuoc.gov.vn/>.

- Bước 2: Các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, thu thập và điền số liệu lên phần mềm chuyên ngành do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp.

- Bước 3: Trên cơ sở số liệu đánh giá của các cơ quan, đơn vị; Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện thẩm tra, xác minh và tổng hợp số liệu.

- Bước 4: Sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh; Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp số liệu, đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, công bố và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến Hệ thống thông tin đánh giá và xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thành phần của các thông tin cần nhập theo cấu trúc DTI của từng cấp được quy định tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Ban hành quy định Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, trang thông tin điện tử trong các cơ quan nhà nước được thực hiện trong tháng 11 hằng năm.

- Công bố và báo cáo kết quả xếp hạng về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/12 hằng năm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh tỉnh; UBND các huyện, thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Thông tin và Truyền thông.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

- Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Ban hành quy định Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.

5. Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư thẩm định dự án theo quy định của Luật đầu tư công có trách nhiệm gửi hồ sơ thiết kế cơ sở lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của Sở Thông tin và Truyền thông; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (nếu cần thiết).

- Bước 2: Trong trường hợp đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở đồng thời là chủ đầu tư, đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho đơn vị chuyên môn khác thẩm định thiết kế cơ sở.

- Bước 3: Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Báo cáo kết quả khảo sát;
- + Thiết kế cơ sở;
- + Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B; không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao triển khai Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Thông tin và Truyền thông.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản Báo cáo kết quả thẩm định.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án (Kèm theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Công văn số 2393/UBND-TH ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao cơ quan đầu mối thẩm định, trình phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết, Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ứng dụng CNTT.

Mẫu đơn đính kèm.

MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN
(Kèm theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ)
CƠ QUAN TRÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định, phê duyệt dự án (Tên dự án) ...

Kính gửi:

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án ... (Tên dự án) ... với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

4. Sự cần thiết đầu tư dự án:

5. Mục tiêu đầu tư:

6. Quy mô đầu tư:

7. Địa điểm đầu tư:

8. Thiết kế cơ sở:

a) Giải pháp thiết kế cơ sở cần tuân thủ:

b) Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo:

9. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

10. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến phân bổ vốn theo tiến độ:

11. Hình thức quản lý dự án:

12. Thời gian thực hiện dự án:

13. Đánh giá tính hiệu quả dự án:

14. Đánh giá tính khả thi dự án:

15. Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án:

16. Các nội dung khác:

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

6. Thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước yêu cầu gửi hồ sơ đến Sở Thông tin và Truyền thông để thẩm định về Đề cương và dự toán chi tiết.

- Bước 2: Trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành thẩm định đề cương và dự toán chi tiết.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

+ Tờ trình đề nghị thẩm định đề cương và dự toán chi tiết.

+ Đề cương và dự toán chi tiết.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị đầu mỗi thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (thời gian này không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước yêu cầu phải lập đề cương và dự toán chi tiết có mức kinh phí từ 200 triệu đến 15 tỷ đồng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Thông tin và Truyền thông.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản Báo cáo kết quả thẩm định.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ

Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Công văn số 2393/UBND-TH ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao cơ quan đầu mối thẩm định, trình phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết, Báo cáo nghiên cứu khả thi.

7. Thủ tục thành lập các Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

* *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

* *Địa điểm thực hiện:* UBND tỉnh.

* *Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Chuyên viên Phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, dự thảo Quyết định gửi về Trưởng phòng.

- Bước 2: Trưởng phòng chuyên môn xem xét hoàn thiện dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định, báo cáo Giám đốc Sở

- Bước 3: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt đề xuất của Trưởng phòng, ký Tờ trình gửi UBND tỉnh đề nghị xem xét, ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh qua Văn phòng UBND tỉnh.

- Bước 4: Văn phòng UBND tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

- Bước 5: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành văn bản theo thẩm quyền.

- Bước 6: Văn phòng UBND tỉnh phát hành văn bản đã được Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

+ Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

+ Các văn bản có liên quan (nếu có).

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thành lập Hội

đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Mẫu số 02: Dự thảo ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 15 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Quyết định số 74/2016/QĐ- UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SKHCHN

Bình Phước, ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
“.....”

Căn cứ Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số /QĐ-UBND ngày /.... /20.... của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20....;

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh như sau:

I. Thành phần:

- 1 - Chủ tịch Hội đồng;
- 2 - Phó Chủ tịch Hội đồng;
- 3 - Thành viên;
- 4 - Thành viên;
- 5 - Thành viên, Thư ký khoa học;

Mời các ông/bà có tên sau đây tham gia Hội đồng:

6. - Thành viên;
7. - Thành viên;
- 8..... - Phản biện 1;
9. - Phản biện 2.

II. Hội đồng có nhiệm vụ: Đánh giá hồ sơ, tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ “...”.

Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị UBND tỉnh xem xét thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên đề Sở có căn cứ thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Lãnh đạo Sở;
- Phòng QLKH&CN;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 20...

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh “...”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20...;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số .../TTr-SKHCN ngày .../.../20...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh “...” (Hội đồng), gồm:

- 1 - Chủ tịch Hội đồng;
- 2 - Phó Chủ tịch Hội đồng;
- 3- Thành viên;
- 4 - Thành viên;
- 5 - Thành viên, Thư ký khoa học;

Mời các ông/bà có tên sau đây tham gia Hội đồng:

6. - Thành viên;
7. - Thành viên;
- 8..... - Phản biện 1;

9. - Phản biện 2.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ:

1. Đánh giá hồ sơ, tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ “...” theo đúng quy định.
2. Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ, tham mưu, đề xuất Hội đồng Khoa học và công nghệ tỉnh, UBND tỉnh việc xử lý kết quả tuyển chọn.
3. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (10 bản);
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu VT.PVX.

CHỦ TỊCH

8. Thủ tục thành lập các Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

* *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

* *Địa điểm thực hiện:* UBND tỉnh.

* *Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Chuyên viên Phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, dự thảo Quyết định gửi về Trưởng phòng.

- Bước 2: Trưởng phòng chuyên môn xem xét hoàn thiện dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định, báo cáo Giám đốc Sở.

- Bước 3: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt đề xuất của Trưởng phòng, ký Tờ trình gửi UBND tỉnh đề nghị xem xét, ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh qua Văn phòng UBND tỉnh.

- Bước 4: Văn phòng UBND tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

- Bước 5: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành văn bản theo thẩm quyền.

- Bước 6: Văn phòng UBND tỉnh phát hành văn bản đã được Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

+ Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

+ Các văn bản có liên quan (nếu có).

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Mẫu số 02: Dự thảo ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 25 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước.

Mẫu số 01

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /TTr-SKHCN

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh “...”

Căn cứ Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../20... của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt thuyết minh đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ “...”;

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh như sau:

I. Thành phần:

- 1 - Chủ tịch Hội đồng;
- 2 - Phó Chủ tịch Hội đồng;
- 3- Thành viên;
- 4 - Thành viên;
- 5 - Thành viên, Thư ký khoa học;

Mời các ông/bà có tên sau đây tham gia Hội đồng:

6. - Thành viên;
7. - Thành viên;
- 8..... - Phản biện 1;
9. - Phản biện 2.

II. Hội đồng có nhiệm vụ: Tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ “...” theo đúng quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên đề Sở có căn cứ thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD, PGD Sở;
- Phòng QLKHCN;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____/QĐ-UBND Bình Phước, ngày tháng năm 20...

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh “...”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../20... của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt thuyết minh đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ “...”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số .../TTr-SKHCN ngày .../.../20....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ “....”; (Hội đồng), gồm:

- 1 - Chủ tịch Hội đồng;
- 2 - Phó Chủ tịch Hội đồng;
- 3- Thành viên;
- 4 - Thành viên;
- 5 - Thành viên, Thư ký khoa học;

Mời các ông/bà có tên sau đây tham gia Hội đồng:

6. - Thành viên;
7. - Thành viên;
- 8..... - Phản biện 1;
9. - Phản biện 2.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ:

1. Tổ chức tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ “...” theo đúng quy định.
2. Báo cáo kết quả đánh giá, nghiệm thu; tham mưu, đề xuất Hội đồng Khoa học và công nghệ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh việc xử lý kết quả nghiệm thu.
3. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định này thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (10 bản);
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu VT, PVX.

CHỦ TỊCH

9. Thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư

a) Trình tự thực hiện

- Cơ quan yêu cầu giám định (là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về Khoa học và Công nghệ (KH&CN)) gửi văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định theo **Mẫu số 01** quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg, kèm theo các tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm trong dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đến cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) nơi thực hiện dự án đầu tư.

- Trường hợp Sở Khoa học và Công nghệ (Sở KH&CN) đồng thời là cơ quan yêu cầu giám định thì bỏ qua bước yêu cầu tổ chức việc giám định.

- Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định, Sở KH&CN xem xét các căn cứ để thực hiện giám định và sự cần thiết của việc tổ chức giám định.

- Trường hợp không đủ căn cứ để thực hiện giám định hoặc không cần thiết tổ chức việc giám định, Sở KH&CN ban hành văn bản gửi cơ quan yêu cầu giám định, nêu rõ lý do không tổ chức việc giám định.

Trường hợp có đủ căn cứ và cần thiết phải tổ chức việc giám định, Sở KH&CN ban hành văn bản (theo **Mẫu số 02** quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg) gửi nhà đầu tư đề nghị báo cáo và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án.

- Trong thời hạn **15 ngày**, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Sở KH&CN, nhà đầu tư cung cấp 01 bản báo cáo kèm theo bản sao có chứng thực (hoặc có xác nhận sao y bản chính của nhà đầu tư) các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư cho Sở KH&CN.

- Trong thời hạn **30 ngày**, kể từ khi nhận được báo cáo và các hồ sơ, tài liệu của nhà đầu tư, Sở KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN và tổ chức họp Hội đồng để xem xét, cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

Trường hợp phiên họp Hội đồng chưa đủ căn cứ để cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ hoặc có nhiều ý kiến không thống nhất, Hội đồng xem xét, tư vấn thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định và các nội dung cần giám định.

- Trong thời hạn **30 ngày**, kể từ khi nhận được kiến nghị của Hội đồng về việc thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định, Sở KH&CN tổ chức lựa chọn, ban hành văn bản đề nghị giám định và cấp chứng thư giám định (theo **Mẫu số 03** quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg),

tiền hành thỏa thuận, ký hợp đồng giám định với tổ chức giám định được chỉ định. Nội dung, thời gian và kinh phí thực hiện giám định quy định tại Hợp đồng giám định.

Trường hợp phải đấu thầu lựa chọn tổ chức giám định, Sở KH&CN tổ chức đấu thầu, thời gian và trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong thời hạn **15 ngày**, kể từ khi nhận được chứng thư giám định do tổ chức giám định được chỉ định cấp, Sở KH&CN tổ chức họp Hội đồng tư vấn KH&CN lần thứ hai, cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

- Trong thời hạn **15 ngày**, kể từ khi nhận được ý kiến của Hội đồng tư vấn KH&CN về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư, Sở KH&CN xem xét các nội dung kiến nghị của Hội đồng để kết luận về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư, gửi cơ quan yêu cầu giám định và các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cần thiết, Sở KH&CN lấy thêm ý kiến của chuyên gia độc lập để xem xét, kết luận.

b) Cách thức thực hiện

Cơ quan yêu cầu giám định gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở KH&CN; hoặc gửi hồ sơ trực tuyến (thực hiện sau khi có hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ: Văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định kèm theo các tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm trong dự án đầu tư.

- Số lượng: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Trường hợp không thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 65 ngày;

- Trường hợp phải thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 110 ngày;

- Trường hợp phải đấu thầu lựa chọn tổ chức giám định được chỉ định, thời gian có thể kéo dài thêm. Thời gian thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC

Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ.

g) Kết quả thực hiện TTHC

Văn bản kết luận về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định (*Mẫu số 01 Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có căn cứ xác định nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Đầu tư năm 2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

- Quyết định số 856/QĐ-BKHCN, ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số 01.

(*Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg*)

TÊN CƠ QUAN YÊU CẦU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIÁM ĐỊNH³

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v yêu cầu tổ chức việc giám định
chất lượng và giá trị máy móc, thiết
bị, dây chuyền công nghệ trong
dự án đầu tư

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền⁴

Căn cứ Quyết định số .../2023/QĐ-TTg ngày ...tháng ...năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư;

Ngày..... tháng.....năm....., (cơ quan yêu cầu giám định) có căn cứ xác định Nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển

giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, cụ thể như sau:

1. Thông tin về dự án (tên dự án; tên nhà đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; lĩnh vực đầu tư; quy mô của dự án):
2. Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:
3. Tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm:
 - Lừa dối, giả tạo trong việc lập Hồ sơ dự án đầu tư:.... ..
 - Lừa dối, giả tạo trong việc lập Hợp đồng chuyển giao công nghệ:
 - Triển khai thực hiện dự án đầu tư không đúng với hồ sơ đã đăng ký:
 - Triển khai hợp đồng chuyển giao công nghệ không đúng với hồ sơ đăng ký hoặc cấp phép..... (cơ quan yêu cầu giám định) đề nghị(cơ quan có thẩm quyền) tổ chức việc giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án nêu trên và gửi kết quả giám định đến... (cơ quan yêu cầu giám định) sau khi hoàn thành việc giám định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

³ Cơ quan yêu cầu giám định là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN.

⁴ Cơ quan có thẩm quyền là Bộ KH&CN đối với dự án có dấu hiệu vi phạm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; hoặc là cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án đối với dự án có dấu hiệu vi phạm không thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

9. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp, tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại Điều 8 của Luật Giám định tư pháp, tổng hợp và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ở tỉnh.

Trong thời hạn **20 ngày**, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập danh sách giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm.

Danh sách giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN tại tỉnh được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bình Phước, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm;

+ Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp (*Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp*);

+ Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc.

+ Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thẩm quyền quản lý lĩnh vực giám định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

- Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN:

+ Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

+ Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 (năm) năm trở lên.

- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN:

+ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

+ Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2022/TTBKHCN ngày 20/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công nghệ, thiết bị, máy móc, năng lượng nguyên tử, sở hữu công nghiệp (*đối với các đối tượng sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn*) phải có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên thuộc các ngành sau:

+ Ngành khoa học kỹ thuật và công nghệ đối với giám định tư pháp trong lĩnh vực công nghệ, thiết bị, máy móc;

+ Một trong các ngành vật lý hạt nhân, công nghệ hạt nhân, hóa phóng xạ đối với giám định tư pháp trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

+ Một trong các ngành khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học vật lý, hóa học hoặc sinh học đối với giám định tư pháp đối tượng sở hữu công nghiệp là sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Giám định tư pháp năm 2012.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020.

- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.

- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.

- Thông tư số 03/2022/TT-BKHCN ngày 20/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ.

- Quyết định số 1919/QĐ-BKHCN, ngày 28/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

10. Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp lĩnh vực KH&CN ở tỉnh;

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp;

- Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ

e). Cơ quan giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Việc miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp.

- Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp;

- Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

- Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật Giám định tư pháp;

- Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;

- Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

- Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020.

- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.

- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.

- Thông tư số 03/2022/TT-BKHCN ngày 20/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ.

- Quyết định số 1919/QĐ-BKHCN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.